

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **118/2023/HS-ST**
Ngày: 25-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Ngọc Tươi
Bà Trần Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Cao - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 122/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2023 theo các Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2023/HSST-QĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng T, sinh năm 1980 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi đăng ký thường trú: khu phố X, phường Y, thành phố O, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là Lê Thị Quỳnh N, sinh năm 1985 và có 03 người con: lớn nhất, sinh năm 2017; nhỏ nhất, sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Đảng viên: Ngày 02/02/2023, Ủy ban kiểm tra Thành ủy O đã ra Quyết định số 128-QĐ/UBKTTU Đình chỉ sinh hoạt Đảng để phục vụ công tác điều tra, truy tố và xét xử.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/01/2023, theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 04/LBTG ngày 30/12/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- *Bị hại:* Chị **Ngô Thanh H1**, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố X1, phường Y1, thành phố O, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:* Anh **Nguyễn Trang S**, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố X2, phường Y2, thành phố O, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng T nguyên là Cảnh sát khu vực Công an phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai có mối quan hệ quen biết với chị Ngô Thanh H1, sinh năm: 1983, cư trú: KDC Y2, KP X, phường Y2, TP O, tỉnh Đồng Nai là quản lý cơ sở Massage Huỳnh I, thuộc phường Y2, TP O, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 11/10/2020, T được phân công kiểm tra cơ sở Massage Huỳnh I và phát hiện cơ sở có vi phạm về ANTT và nhân viên có biểu hiện vi phạm lỗi “Kích dục” nên T yêu cầu chị H1 cùng 02 nhân viên và 02 khách massage về trụ sở Công an phường để xác minh vi phạm. Sau khi làm việc, ngày 12/10/2020, T đã báo cáo với Chỉ huy Công an phường An Bình là không có căn cứ xác định nhân viên cơ sở Massage Huỳnh I vi phạm lỗi “Kích dục”. Đến ngày 26/10/2020, T đã đề xuất xử lý cơ sở Massage Huỳnh I về 02 lỗi là: không xuất trình giấy chứng nhận đảm bảo về ANTT khi được yêu cầu và không thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý ANTT đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện; không đề xuất xử lý đối với lỗi “Kích dục”.

Tuy nhiên, khi làm việc với chị H1, T nói dối là nhân viên cơ sở Massage vi phạm lỗi “Kích dục” và phải nộp tiền phạt 25.000.000 đồng, chị H1 tưởng là thật nên đồng ý đóng phạt.

Đồng thời, ngày 12/10/2020, T điện thoại yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm: 1981, cư trú: khu phố X3, phường Y3, thành phố O, tỉnh Đồng Nai, là chủ cơ sở Massage Huỳnh I, mang theo giấy phép kinh doanh lên Công an phường An Bình làm việc. Khi làm việc, T cũng nói dối với chị V là nhân viên cơ sở Massage vi phạm lỗi “Kích dục” và phải nộp tiền phạt 25 triệu đồng. Chị V tìm gặp chị H1 yêu cầu chị H1 phải có trách nhiệm đóng phạt thì chị V mới giao giấy phép kinh doanh để xử lý vi phạm. Do không có tiền đóng phạt nên chị H1

nờ T mượn giúp, T đồng ý. Khoảng 13 giờ ngày 20/10/2020, T gọi chị H1 ra quán cà phê gần cơ sở Massager Huỳnh I. Tại đây, T nói mượn giúp cho chị H1 số tiền 20 triệu đồng, phải trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày 01 triệu đồng, chị H1 đồng ý. T gọi điện thoại cho anh Nguyễn Trang S, sinh năm 1994, cư trú: khu phố X2, phường Y2, TP O, Đồng Nai ra gặp H1 và T. Tại đây, anh S đã đưa cho chị H1 mượn số tiền 20.000.000 đồng. Chị H1 đưa thêm cho T số tiền 2.000.000 đồng, tổng cộng là 22.000.000 đồng còn thiếu 3.000.000 đồng thì chị H1 hứa sẽ đưa cho T sau.

Do, chị H1 chưa đưa số tiền 3.000.000 đồng còn nợ cho T nên T nhiều lần gọi điện, nhắn tin, đe dọa và yêu cầu chị H1 phải đưa số tiền 3.000.000 đồng còn lại nên ngày 23/10/2020, chị H1 đã làm đơn tố cáo T về hành vi chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan Công an. Sau khi biết chị H1 tố cáo T đã nhờ chị V trả lại số tiền 22.000.000 đồng cho chị H1.

Quá trình điều tra ban đầu Nguyễn Trọng T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Nhưng sau đó T đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Phù hợp với lời khai của bị hại, nhân chứng và các tài liệu khác mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã thu thập.

Lời khai của bị can, bút lục (số 89-124).

Lời khai của bị hại, bút lục (số 127-168).

Lời khai của nhân chứng, bút lục số (65, 66; 182-185).

Về trách nhiệm dân sự: chị Ngô Thanh H1 đã nhận lại số tiền 22.000.000 đồng nên không yêu cầu gì thêm và đã làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can Nguyễn Trọng T.

* Tại Cáo trạng số 216/CT-VKS-P2 ngày 05/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Trọng T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T từ 02 năm đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với bị can, bị cáo và người bị hại đã được nhận đầy đủ Kết luận điều tra, Cáo trạng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị cáo và người bị hại không thắc mắc, khiếu nại gì.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyễn Trọng T nguyên là Cảnh sát khu vực Công an phường An Bình, thành phố Biên Hòa. Ngày 11/10/2020, T được giao nhiệm vụ kiểm tra Cơ sở Massage Huỳnh I (tại chỉ tại: khu dân cư Y2, khu phố X, phường Y2, thành phố O, tỉnh Đồng Nai) do chị Ngô Thanh H1 làm quản lý. Mặc dù cơ sở không có lỗi để nhân viên kích dục cho khách, nhưng để có tiền tiêu xài, T đã nói dối chị H1 là cơ sở Massage Huỳnh I có vi phạm để cho nhân viên kích dục cho khách nên phải đóng phạt số tiền 25.000.000 đồng, chị H1 tưởng thật nên ngày 20/10/2020 đã đưa trước cho T số tiền 22.000.000 đồng, số tiền 3.000.000 đồng còn lại hẹn đưa sau. Sau khi biết được cơ sở Massage do mình quản lý không vi phạm, bị cáo T đã chiếm đoạt tiền trên nên chị H1 đã làm đơn tố cáo T đến Cơ quan Công an để điều tra, xử lý.

Với hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Nguyễn Trọng T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm đ “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức” khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, không những gây ảnh hưởng đến trật tự trị an, xã hội tại địa phương mà còn gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh của người Công an nhân dân. Bị cáo là Cảnh sát khu vực là người bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người dân, nơi mình có trách nhiệm quản lý, vậy mà chỉ vì muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người bị hại một cách trái phép, không những vi phạm pháp luật mà còn vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm quy định của ngành Công an thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, cần giành cho bị cáo một mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra, đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo; đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đã bồi thường toàn bộ số tiền

chiếm đoạt cho bị hại; được bị hại làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Quá trình công tác, bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc và còn có cha ruột được Nhà nước tặng Huân, huy chương bảo vệ Tổ quốc. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có cơ sở.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, chị Ngô Thanh H1 đã nhận lại số tiền 22.000.000 đồng nên không yêu cầu gì thêm và đã làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Trọng T. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

* Ngoài ra, trong quá trình điều tra, chị Ngô Thanh H1 còn tố cáo Nguyễn Trọng T có hành vi Cưỡng dâm và hàng tháng buộc chị H1 phải nộp số tiền 1.000.000 đồng cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo T không thừa nhận việc này và quá trình điều tra chị H1 đã xin rút lại nội dung tố cáo trên nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không có căn cứ xử lý đối với T về hành vi nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

* Đối với chị Nguyễn Thị Thúy V là người được T nhờ chuyển trả lại tiền cho chị H1 không biết T chiếm đoạt tiền của chị H1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai không xử lý đối với chị V nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có một phần phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[1] Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 174; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Trọng T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2023.

[2] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trọng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo theo luật định. Riêng người bị hại được tính từ ngày nhận được bản sao Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo – Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Đồng Nai (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án hình sự Tòa án tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hồng Hương